

TU LIỆU DÂN TỘC HỌC

BẢN KHOẢN ƯỚC PHÂN CHIA LƯƠNG GIÁO CUỐI THẾ KỶ XIX Ở LÀNG LA TINH (HOÀI ĐỨC - HÀ TÂY)

BÙI XUÂN ĐÍNH

Cuối thế kỷ XIX, Thiên chúa giáo đã xâm nhập khá rộng trên vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung và các làng xã thuộc tỉnh Hà Tây nói riêng. Hiện tượng này đã làm xáo trộn đời sống làng xã, do tín ngưỡng của các khối cư dân trong từng cộng đồng có nhiều khác biệt. Do vậy, ở nhiều nơi đã diễn ra những mâu thuẫn có khi dẫn đến xung đột giữa hai khối lương - giáo. Tuy nhiên lại có nhiều nơi, hai cộng đồng tín ngưỡng - tôn giáo đó giải quyết rất “êm đẹp” bằng cách lập các thỏa ước, khoán ước. Trong bài này, chúng tôi giới thiệu bản khoán ước phân chia lương giáo của làng La Tinh xưa thuộc tổng La Nội, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc xã Đông Lao, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây. Văn bản được viết trên giấy bản, khổ 12x24, gồm 7 tờ, 14 trang. Mỗi trang có 8 dòng. Dòng nhiều nhất có 35 chữ, bình quân vào khoảng từ 25-30 chữ, hầu hết là chữ Hán thỉnh thoảng có ghi bằng chữ Nôm, nhìn chung chữ chân phương, dễ đọc. Dưới đây là toàn văn bản khoán ước phân chia lương giáo đó:

“Phủ Hoài Đức, huyện Từ Liêm, tổng La Nội, xã La Tinh, hai bên lương giáo hợp tại đình có đồng đủ mọi người gồm hương lý, hương trưởng, giáp trưởng, kỳ mục, hương lão, xã bình, xã nhiều, thống nhất làm tờ khoán ước. Vì bản xã hai bên lương giáo tục lệ có khác nhau một phần, phải hội họp để bàn công việc hợp lý, hợp tình, chia giáp chia phiên, lập khoán mới, quy định tục lệ các khoản để chia ruộng đất thờ thần thờ Phật. Khoán này được viết làm hai bản làm bằng, mỗi bên lương giáo giữ một bản làm bằng, mọi người phải tuân theo thống nhất như trong tờ khoán, mãi mãi không thay đổi tục lệ. Mọi sự việc trình bày như dưới đây:

1. (*) Suu thuế, dề điều, phu dịch, lương, lính... các khoản lương dân và giáo dân đều coi đó là công vụ phải thừa hành theo khoán.

2. Việc tế lễ, ăn uống, chia biếu ở đình chỉ có lương dân cố bốn phần, còn giáo dân không dự theo lệ.

(*) Các số thứ tự này là của chúng tôi. Trong văn bản đều ghi “nhất lệ”.

3. Việc cheo, cưới (1) theo lệ làng chỉ có lương dân, còn giáo dân không dự theo lệ.

4. Việc tang tế, trả nợ miệng và những việc làm cổ nộp tiền sau khi chia giáp thì lương dân theo lệ của lương dân, giáo dân theo lệ giáo dân như khoán.

5. Toàn xã trước đây có 5 giáp, (2) nay chia thành 6 giáp, dân lương 5 giáp, dân giáo một giáp theo lệ.

6. Toàn xã trước đây chia làm 4 phiên (3) để đốc thúc phu phen tạp dịch, nay chia làm 5 phiên, lương dân 4 phiên, giáo dân một phiên. Mỗi khi có công vụ điều động, phiên nhiều đều, nhiều phiên ít điều ít. Phiên giáp trưởng có trách nhiệm điều động.

7. Việc thu tiền sưu: lý trưởng phân bổ xong thì 6 giáp có trách nhiệm thu, mỗi giáp thu theo sổ sưu phải đóng của giáp mình, giáp trưởng đi thu rồi nộp cho lý trưởng. Việc sai phái do lý trưởng phải nhận biện. Giáp nào để thiếu thì phải chịu các phí tổn đốc thúc theo lệ.

8. Sau khi chia phiên, chia giáp giữa lương - giáo, những việc bán tư văn kỳ mục thì số tiền khao vọng ấy sẽ thuộc lương dân, còn giáo dân không can dự vào.

9. Tiền bán nhiều thì lương giáo cùng hưởng. Còn số tiền khao vọng nếu (người khao) là lương dân thì thuộc về lương dân, nếu là giáo dân thì thuộc về giáo dân. Khao vọng và mua nhiều thì được trừ phu phen, lương giáo như nhau.

10. Lệ hưởng thụ hoa màu của bãi vải và ruộng mạ: số hoa lợi này dành một phần biếu các vị hương lão, còn bao nhiêu chia đều cho lương giáo đặt lễ và kính biếu, cứ lương dân 4 cây thì giáo dân một cây, còn số biếu quan trên thì lương giáo cùng góp theo lệ.

11. Mọi người khi vào hội hương lão, ngoài lễ ra, phải có thêm 10 quả cau và trầu. Nếu (người lên lão) là lương dân thì phải biếu các chức sắc bên giáo một quả. Nếu là giáo dân

thì biếu bên lương 5 quả còn các lệ lên lão khác thì theo lệ riêng.

12. Lệ chia công châu thổ cho hương lão: lương giáo đều được chia phần như nhau.

13. Lệ lên chức giáp trưởng: mỗi người khi lên giáp trưởng phải biếu các thành viên trong giáp mỗi người một miếng cau còn khao vọng thì lương dân khao bên lương, giáo dân khao bên giáo bình dân hai bên không can dự vào, riêng hương lý thì được dự khao vọng cả hai bên.

14. Lệ về cây ăn quả: ba ngôi chùa Hào Quang, Bà Ca, Hộ Quốc đều thuộc lương dân thờ cúng. Còn giáo dân được một phần ruộng ở ngay sau miếu gồm 2 thửa liền bờ rộng 1 sào 8 thước và một thửa 10 thước ở cửa sông; một thửa 3 thước và một thửa 8 thước ở chùa Đồng xứ, cộng 3 sào 9 thước (*).

15. Còn một số ruộng đất thờ thần, thờ phật, nay vì phân chia lương giáo, nên đem chia lại cho lương dân, giáo dân theo xuất đình từ già đến trẻ sơ sinh. Số ruộng được chia cho lương dân là 5 mẫu 3 sào 5 thước; giáo dân được chia là 1 mẫu 3 sào, 5 thước.

16. Một số công châu thổ dùng vào việc lễ thờ thần và các lễ tiết cũng đem chia cho lương giáo như lệ ở trên. Số đất này gồm các lễ hàng năm là: lễ khai hạ (4) 1 mẫu, lễ 5 tháng 5 và 7 tháng giêng: 4 mẫu 8 sào; lễ tiên thánh (tháng 2) (5) 8 sào, lễ mừng 8 tháng giêng: 2 mẫu, đất hương đăng 2 sào, đất của phường bát âm 2 sào. Cộng tất cả 9 mẫu chia cho lương dân là 7 mẫu 8 sào, giáo dân được 1 mẫu 2 sào.

Đất dùng cho lễ ngày 13 tháng giêng (6) là 5 mẫu 5 sào, số đất này chia cho lương dân 4 phần (4 sào 4 thước), giáo dân 1 phần (1 sào 1 thước).

17. Việc chia cây vải và vườn ao: nguyên trước kia số cây vải bên bờ sông để biếu tư văn gồm 3 hàng, mỗi hàng một cây, còn lại

(* Từ đây, chúng tôi bỏ những đoạn về vị trí và diện tích của từng thửa ruộng, đất ghi trong văn bản.

14 cây, chia làm 5 phần, lương dân được 12 cây, giáo dân được một phần 2 cây.

Đất vườn trước đây giao cho giáp trưởng trông nom là 2 mẫu. Nay chia thành 6 phần, lương 5 phần, giáo một phần.

Số vườn ao cây công cộng của làng cũng đem chia làm 5 phần, lương dân 4 phần, giáo dân một phần. Lương dân được một miếng đất ở xóm Đông, 6 miếng đất vườn ở giữa làng, 6 cái ao ở chùa Hào, một ao nữa ở chùa Hào, một ao 10 miếng và một số cây ăn quả theo lệ. Giáo dân được chia một ao ở sau chùa đầu làng.

*

* *

Hai bên lương giáo cùng một làng, chỉ phân biệt tôn giáo mà thôi, còn là người cùng làng, có thể cùng dòng họ, phải biết sống với nhau có lý có tình nên phải thống nhất với nhau cùng một thể lệ, tôn trọng lẫn nhau những lệ riêng tư, không nên tranh chấp, làm phiền hà nhau mà nên theo lệ trong tờ khoán".

Ngày 10 tháng 9 năm thành thái thứ 8 (1896)

(Bên dưới là những người ký tên trong văn bản)

Lời nhận xét và chú thích

Có lẽ, không cần nhận xét gì nhiều về văn bản. Với nội dung tương đối toàn diện, bản khoán ước cho ta biết được nhiều điều về cơ cấu tổ chức, tục lệ về thờ cúng, chia ruộng đất công v.v... của làng La Tinh trước khi Thiên chúa giáo xâm nhập vào địa phương cũng như việc phân chia lương giáo theo hướng "hòa bình" diễn ra sau đó. Để hiểu rõ thêm nội dung văn bản, dưới đây, chúng tôi giải thích thêm một số khái niệm có nêu trong văn bản.

(1) Hiện nay, tại đình làng La Tinh, ngoài bản khoán ước phân chia lương giáo, còn có một bản khoán ước soạn năm Tự Đức 32 (Kỷ Mão - 1879) gồm 51 điều khoản về các mặt đời sống của làng. Lệ cheo cưới được quy định trong văn bản như sau: "con gái đầu lòng đi lấy chồng nộp cheo làng là 5 quan 2 tiền và 5 hộp trầu. Số này cho bản giáp 1 quan 2 tiền, 1 hộp trầu, cho tư văn 7 tiền và một hộp trầu, cho hương lý 2 tiền, quan viên, chức sắc các loại mỗi người 9 tiền. Những người con gái thứ thì giảm một quan, các hạng người được biểu thi giảm đi một tiền". Điều 37, 38, 39 quy định rõ về tang lễ.

(2) Làng La Tinh trước đây chia làm 5 giáp: Nhất, Đông, Nam, Tư, Đoài. Đến đây, những người theo đạo lập một giáp riêng nên làng có 6 giáp.

(3) *Phiên* hay *nậu* là những đình nam từ 18 - 53 tuổi, tức những người phải chịu sưu thuế và phu phen tạp dịch. *Phiên* còn là đơn vị để phân cấp công châu thổ (đất bãi bồi). Số đất này 6 năm chia một lần, chia cho 4 phiên. Đến đây, lập thêm một phiên của giáo dân. Trong bài *Vài nét về tình hình ruộng đất một số làng xã ven sông Đáy trước Cách mạng tháng 8-1945* (tạp chí *Dân tộc học* số 4-1988), Lâm Bá Nam cho rằng, làng La Tinh chia công châu thổ cho 5 giáp là không đúng cả với văn bản và tên thực tế.

(4) Lễ khai hạ tiền hành vào ngày 7 tháng giêng

(5) Lễ tiên thánh: có lẽ là lễ tế đình (ngày tốt trong tháng)

(6) Ngày 13 tháng giêng, tế đã đám